

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KRÔNG PẮC  
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 307/2021/DS-ST

Ngày: 23 – 7 – 2021

V/v: Tranh chấp hợp đồng  
giao khoán.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Thu Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lan.
2. Ông Ngô Văn Tuyển.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Nhị - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Vào ngày 23 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 439/2020/TLST-DS ngày 21 tháng 7 năm 2020, về việc “Tranh chấp hợp đồng giao khoán” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 324/2021/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 6 năm 2021, giữa:

**- Nguyên đơn:** Ông Trần Văn L, sinh năm 1980.

Nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

**- Bị đơn:** Công ty Cổ phần cà phê T.

Địa chỉ: Km 17, Quốc lộ 26, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Đỗ Hoàng P, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Võ Thị Thu H, sinh năm 1968 (Theo văn bản ủy quyền ngày 28/12/2020).

Địa chỉ: 85 Đặng Trần C, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo đơn khởi kiện, quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Trần Văn L trình bày:**

Vào năm 2011, ông Trần Văn L có ký hợp đồng khoán gọn vườn cây cà phê với Công ty cổ phần cà phê T số 02/2011/HĐ-GK ngày 27/8/2011. Theo hợp đồng thì: Tôi đã nhận khoán chăm sóc vườn cây cà phê Vối trồng năm 1972 của Công ty có diện tích 9.129m<sup>2</sup>, diện tích bờ lô 1.326m<sup>2</sup>. Địa điểm đất giao khoán thuộc đội 12, thửa đất số 03, tờ bản đồ số 08, địa chỉ thửa đất: thuộc xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Nguyên giá vườn cây khi nhận khoán có giá là: 27.122.735đ; Giá trị vườn cây còn lại: 17.609.258đ. Phần giá trị vườn cây trên đất Công ty góp 51%, chủ hộ góp 49%. Thời hạn giao khoán là 04 năm, tính từ ngày ký hợp đồng. Kể từ khi nhận khoán vườn cây cho đến niên vụ cà phê 2014 - 2015, tôi đã thực hiện nghĩa vụ chăm sóc vườn cây theo đúng quy định của Công ty và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ giao nộp sản phẩm theo hợp đồng giao khoán vườn cây đã ký với Công ty. Đến năm 2015, tôi và Công ty đã thanh lý vườn cây do vườn cà phê đã già cỗi. Tuy nhiên, đến năm 2018 thì tôi phát hiện Công ty có sự gian lận, cụ thể: Tôi phát hiện Công ty đã gian lận chi phí nhân công cho diện tích 01ha trong 07 năm (từ năm 2011-2017) là 86.954.753,2đ (Bình quân một năm Công ty gian lận là 12.422.107,6đ/năm); Công ty đã gian lận sản phẩm cà phê quả tươi làm thành cà phê quy nhân cho diện tích 01ha trong 07 năm (từ năm 2011-2017) là 3.038kg cà phê quả tươi, giá tiền: 8.000đ/kg, thành tiền là 24.304.000đ (Bình quân một năm là 434kg, giá tiền 8.000đ/kg, thành tiền là 3.472.000đ/năm); Công ty đã gian lận tiền thủy lợi phí tiền thuê giếng tưới cho diện tích 01ha (từ năm 2011-2018) mà Công ty không trả cho tôi phần 51% lẽ ra Công ty phải chịu với số tiền là 7.344.000đ (Bình quân một năm là 918.000đ/năm).

Theo đơn khởi kiện của tôi thì tôi yêu cầu Công ty cổ phần cà phê T phải trả cho tôi tổng số tiền là 118.602.753,2đ.

Tại phiên tòa hôm nay tôi xin rút một phần nội dung yêu cầu khởi kiện đối với các yêu cầu là: Buộc Công ty trả lại chi phí đã gian lận trong tính toán chi phí nhân công, buộc Công ty trả lại số cà phê quả tươi đã gian lận và một phần yêu cầu buộc Công ty trả cho tôi tiền thủy lợi phí thuê giếng tưới nước từ năm 2015 – 2018, với tổng số tiền là 115.250.584,4đ. Đối với số tiền thuê giếng tưới nước còn lại thì tôi đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết buộc Công ty Cổ phần cà phê T phải trả lại cho tôi cụ thể số tiền sau: 918.000đ x 0,9129ha x 04 năm (Từ năm 2011 - 2014) = 3.352.168,8đ. Ngoài ra tôi không có yêu cầu gì thêm.

***\* Đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty Cổ phần cà phê T, bà Võ Thị Thu H trình bày:***

Công ty Cổ phần cà phê T (Trước đây là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên cà phê T) thừa nhận là giữa Công ty với nguyên đơn có ký hợp đồng khoán gọn vườn cây cà phê với nhau. Kể từ khi nhận khoán vườn cây cho đến niên vụ cà phê 2017-2018, nguyên đơn đã thực hiện nghĩa vụ chăm sóc vườn cây theo đúng quy định của Công ty và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ giao nộp sản phẩm theo hợp

đồng giao khoán vườn cây đã ký với Công ty. Tuy nhiên, đến niên vụ thu hoạch cà phê 2018-2019 và 2019-2020 nguyên đơn đã không thực hiện nghĩa vụ giao nộp sản phẩm cà phê quả tươi cho Công ty theo đúng cam kết trong hợp đồng, là vi phạm hợp đồng giao khoán đã ký kết, Công ty chưa tiến hành khởi kiện nguyên đơn.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn rút một phần nội dung yêu cầu khởi kiện thì đại diện theo ủy quyền của Công ty cổ phần cà phê T không có ý kiến gì. Còn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc: Buộc Công ty Cổ phần cà phê T phải trả lại tiền thủy lợi phí thuê giếng tưới nước là 3.352.168,8đ thì Công ty không chấp nhận, vì: Công đoạn tưới nước là một công đoạn chủ yếu của việc sản xuất kinh doanh cây cà phê, do đó, về công lao động đã được tính vào chi phí sản xuất trên 01ha cà phê. Tại trang 9, 10 của Phương án khoán gọn vườn cây cà phê cho hộ nông trường viên được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đã ghi rõ các khoản mục trong cấu thành giá thành sản xuất “Tiền khấu hao hồ đập kênh mương là 500.000đ/ha/năm, trong đó phần 51% là 255.000đ/ha/năm” vào giá thành (Khấu trừ ăn chia sản phẩm). Đồng thời, tại mục 1 Điều 1 của hợp đồng được ký kết giữa các nguyên đơn với Công ty thì “Bên A khoán gọn vườn cây cà phê cho bên B trực tiếp đầu tư, chăm sóc, bảo vệ thu hoạch và giao nộp sản phẩm cà phê...”. Như vậy, mặc dù trong hợp đồng giao khoán hai bên chỉ đề cập đối với hệ thống hồ đập, kênh mương không đề cập đến việc tưới giếng, nhưng thực chất Công ty đã trả 255.000đ/ha/năm là hoàn toàn công bằng giữa người tưới mương và tưới giếng. Mặt khác, theo thông báo số 61/UB-VPUBND ngày 08/4/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk có nêu: “...việc đào giếng tưới và sử dụng giếng tưới cho vườn cây nhận khoán là của người dân, nhà nước không chi trả;”. Vào năm 2015, giữa nguyên đơn và Công ty đã thanh lý vườn cây. Do đó, Công ty không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc Công ty Cổ phần cà phê T phải trả lại tiền thủy lợi phí thuê giếng tưới nước là 3.352.168,8đ. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đình chỉ giải quyết vụ án do đã hết thời hiệu khởi kiện.

Phản tranh luận tại phiên tòa:

Nguyên đơn tranh luận: Giữ nguyên yêu cầu về việc buộc Công ty Cổ phần cà phê T phải trả lại cho nguyên đơn số tiền thủy lợi phí thuê giếng tưới nước cho diện tích đất nhận giao khoán.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty Cổ phần cà phê T, ông Trịnh Gia Quý tranh luận: Bị đơn Công ty Cổ phần cà phê T không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Tòa án xem xét không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:*

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Thành phần Hội đồng xét xử đúng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử.

- Về nội dung: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a khoản 1 Điều 192; điểm c, e, g khoản 1 Điều 217, Điều 218, Điều 219, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; điểm c khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Các Điều 388, 390, 392, 412, 414, 424, 427, 501, 502, 503, 506 của Bộ luật dân sự năm 2005; Các Điều 7, 8, 9, 10, 12 Nghị định 135/2005/NĐ-CP ngày 08/11/2005 của Chính phủ; Thông tư số 102/2006/TT-BNN ngày 13 tháng 11 năm 2006 của Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn hướng dẫn một số điều của Nghị định số 135/2005/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2005 của Chính phủ; Luật đất đai năm 2003. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Đình chỉ giải quyết đối với một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn L về việc: Buộc Công ty Cổ phần cà phê T phải trả lại tiền thủy lợi phí thuê giếng tưới nước trong 04 năm (từ năm 2011 - 2014) là 3.352.168,8đ do hết thời hiệu khởi kiện. Ông Trần Văn L không có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại đối với yêu cầu này.

Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn L về việc: Buộc Công ty Cổ phần cà phê T phải trả lại tổng số tiền 115.250.584,4đ. Ông Trần Văn L được quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

#### **[1] Về tố tụng:**

- Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn thì Hội đồng xét xử xác định đây là “Tranh chấp hợp đồng giao khoán” được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn Công ty Cổ phần cà phê T (Trước đây là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên cà phê T) có địa chỉ tại xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

#### **[2] Về nội dung:**

Theo các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn, bị đơn cung cấp và được hai bên thừa nhận, thì thấy: Giữa nguyên đơn với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên cà phê T (Nay là Công ty Cổ phần cà phê T) có ký kết hợp đồng khoán gọn vườn cây cà

phê với nhau. Qua xem xét Hợp đồng trên thì thấy: Đây là hợp đồng song vụ có thời hạn, khi thực hiện việc giao kết hợp đồng các bên đều hoàn toàn tự nguyện và có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự theo quy định của pháp luật, về nội dung cũng như hình thức của hợp đồng hai bên đã ký kết không vi phạm pháp luật nên có giá trị pháp lý, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên. Trong quá trình thực hiện hợp đồng giao khoán thì nguyên đơn đã thực hiện nghĩa vụ chăm sóc vườn cây theo đúng quy định của Công ty và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ giao nộp sản phẩm theo hợp đồng giao khoán đã ký kết với Công ty kể từ ngày ký hợp đồng cho đến hết niên vụ cà phê 2017 - 2018 và các bên không có tranh chấp gì. Do đó, xác định đây là chứng cứ không cần chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn L về việc Buộc Công ty Cổ phần cà phê T phải trả lại tiền thủy lợi phí thuê giếng tưới nước trong 04 năm (từ năm 2011 - 2014) là 3.352.168,8đ, Hội đồng xét xử thấy: Nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền cho bị đơn đều thừa nhận việc ký hợp đồng khoán gọn vào ngày 27/8/2011. Tuy nhiên, hợp đồng này hai bên đã thanh lý vườn cây vào năm 2015. Kể từ thời điểm thanh lý vườn cây vào năm 2015 ông Long không có bất kỳ ý kiến hay khiếu nại gì về tiền thủy lợi phí thuê giếng tưới nước (từ năm 2011 - 2014) và cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ để chứng minh, người đại diện theo ủy quyền của Công ty không thừa nhận thu sai tiền thủy lợi phí thuê giếng tưới nước của ông Long giai đoạn từ năm 2011 – 2014, người đại diện theo ủy quyền đề nghị Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với yêu cầu này của nguyên đơn. Do đó, yêu cầu này của nguyên đơn đã hết thời hiệu khởi kiện được quy định tại Điều 424, 427 Bộ luật dân sự 2005; điểm a khoản 1 Điều 192; điểm e, g khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện trên của nguyên đơn ông Trần Văn L. Ông Trần Văn L không có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại đối với yêu cầu này. Ông Trần Văn L không có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại đối với yêu cầu này.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Trần Văn L rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc Công ty Cổ phần cà phê T phải trả lại chi phí nhân công cho diện tích 01ha (từ năm 2011-2017) số tiền 86.954.753,2đ, cà phê tươi quy nhân cho diện tích 01ha (từ năm 2011-2017) số tiền 24.304.000đ; một phần tiền thủy lợi phí thuê giếng tưới nước là 3.991.831,2đ. Tổng cộng là 115.250.584,4đ. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của ông Long là hoàn toàn tự nguyện, đúng pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218, Điều 219, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của ông Long. Ông Trần Văn L được quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn ông Trần Văn L về việc buộc Công ty cổ phần cà phê T phải trả cho ông Long số tiền thủy lợi phí thuê giếng tưới nước trong 04 năm (từ năm 2011 - 2014) là 3.352.168,8đ hết thời hiệu khởi kiện, ông Long không có quyền khởi kiện đối với yêu cầu này nên ông Long không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa là có căn cứ và đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a khoản 1 Điều 192; điểm c, e, g khoản 1 Điều 217, Điều 218, Điều 219, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Các Điều 388, 390, 392, 412, 414, 424, 427, 501, 502, 503, 506 của Bộ luật dân sự năm 2005; Các Điều 7, 8, 9, 10, 12 Nghị định 135/2005/NĐ-CP ngày 08/11/2005 của Chính phủ; Thông tư số 102/2006/TT-BNN ngày 13 tháng 11 năm 2006 của Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn; Luật đất đai năm 2003.

- Căn cứ khoản 3 Điều 18 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14.

### **Tuyên xử:**

1. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn L về việc: Buộc Công ty Cổ phần cà phê T phải trả lại số tiền thủy lợi phí khấu hao kênh mương trong 04 năm (từ năm 2011 - 2014) là 3.352.168,8đ (*Ba triệu ba trăm năm mươi hai nghìn một trăm sáu mươi tám phẩy tám đồng*). Ông Trần Văn L không có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại đối với yêu cầu này.

2. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn L về việc: Buộc Công ty Cổ phần cà phê T phải trả lại cho ông tổng số tiền 115.250.584,4đ (*Một trăm mười lăm triệu hai trăm năm mươi nghìn năm trăm tám mươi tư phẩy bốn đồng*). Ông Trần Văn L được quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Trả lại cho ông Trần Văn L 2.965.000 đ (*Hai triệu, chín trăm sáu mươi lăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0014269 ngày 21/7/2020 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện K.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, V.P.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Đặng Thị Thu Hà**